



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHANH CAM MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cẩm Mỹ, ngày 02 tháng 06 năm 2026

BẢNG TỌA ĐỘ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Thuộc dự án: BT, HT, TĐC thuộc dự án đường vành đai 4 Tp. Hồ Chí Minh đoạn qua xã Xuân Dương, Thành Phố Đồng Nai.

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Chưa sử dụng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Phi nông	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa khác	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa									
1	Nguyễn Thị Kim Trang	Ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, Thành phố Đồng Nai	1485,3	-	-	1485,3	1485,3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	1.101.105.392
2	Nguyễn Dạ - Hoa	Ấp 4, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	4495,8	-	-	4495,8	2205,1	-	-	2290,7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	3.478.839.903
3	Trần Thị Thu Huyền	Ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	1667,8	-	-	1667,8	681,2	84,4	-	610,2	-	292	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	3.620.500.955
4	ông Nguyễn Thuận và bà Nguyễn Thị Bích	Ấp 16, ấp 4, Thửa Dục, Cẩm Mỹ, Đồng Nai	3182,9	-	-	3182,9	-	-	-	2.721	-	461,9	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	2.338.704.845
5	Võ Ngọc Sương	Ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	176,9	-	-	176,9	176,9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	605.975.350
6	Thân Thị Thân	Ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	152,3	152,3	152,3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	1.769.729.760
7	Lê Thị Dung	Ấp Tư Túc, Xuân Dương, Thành Phố Đồng Nai	425,8	59	59	366,8	366,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	198.611.400	20.000.000	1.024.674.768
8	Vương Thị Hạnh	Ấp 7, ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	13	-	-	13	-	6	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	2.000.000	17.003.700
9	Lê Văn Biau	120/6/28A, Thửa Thị Trông, phường Tân Sơn, thành phố Hồ Chí Minh	3732,5	-	-	3732,5	3732,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	1.138.907.296
10	Đông Thị Lan	114-B19, tập thể Hồ Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	7115,1	-	-	7115,1	7115,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	2.386.343.223
11	Nguyễn Thị Thanh Thu	Khu Phước Thuận, xã Long Thành, thành phố Đồng Nai	55,6	-	-	55,6	55,6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	855.000	2.000.000	18.979.000



STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Phi nông		Diện tích đất bồi thường (m ²)						Chưa sử dụng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi	
			Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa khác	Đất chuyển đổi trồng lúa nước	Đất trồng cây hàng năm										Đất trồng lúa
12	Ông Phạm Kim Anh và Bà Vũ Thị Nhuận	Tổ 16, ấp 4, Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	7.763	-	7.763	7.763	-	-	-	-	-	1.688.452.500	690.020.255	1.501.203.802	1.500.000	1.760.355.000	20.000.000	5.661.531.557		
13	Trần Thị Thanh Phương	Tổ 29C, Khu phố 8, xã Long Khánh, thành phố Đồng Nai	247,3	-	247,3	247,3	-	-	-	-	-	16.136.325	-	4.200.000	-	855.000	4.000.000	25.191.325		
14	Nguyễn Đình Nhã	Ấp xóm Đông, Tân phú Trung, Củ Chi, Hồ Chí Minh	383,7	-	383,7	383,7	-	-	-	-	-	92.134.044	-	-	-	855.000	12.000.000	104.989.044		
15	Trần Thị Bích Thủy	67 Đường 22, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh	552,8	-	552,8	552,8	-	-	-	-	-	165.922.920	52.541.100	37.979.036	-	855.000	16.000.000	273.298.056		
16	Đào Thanh Tùng	Ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	2970,7	-	2970,7	-	-	253	-	-	-	2.731.438.080	1.201.993.410	22.819.400	-	2.826.480.600	20.000.000	6.802.731.490		
17	Phạm Văn Hữu	Ấp Cẩm Dương, xã Xuân Dương, thành phố Đồng Nai	1774,5	100	100	1674,5	-	-	-	-	-	2.474.558.250	248.359.180	39.599.814	1.500.000	2.732.257.500	20.000.000	5.516.274.744		
18	Nguyễn Trí Thị Kim Huyền	11/28B, khu 4, phường Trần Bích, thành phố Đồng Nai	334,3	161,5	161,5	172,8	-	-	3,9	-	168,9	1.316.800.300	1.121.952	-	-	6.840.000	20.000.000	1.344.762.252		
19	Đinh Văn Minh	854/47/43B, Thôn Nhứt, P.15, quận Gò Vấp, TPHCM	3.995	-	3.995	1675,5	-	-	-	-	2319,5	654.248.700	66.322.320	72.613.882	-	3.420.000	20.000.000	816.604.902		
20	Ông Hoàng Công Văn	Tổ 2, ấp Tư Túc, Thửa Đức, Cẩm Mỹ, Đồng Nai	3529,2	-	3529,2	3529,2	-	-	-	-	-	1.059.289.380	715.903.370	115.285.979	-	1.102.656.600	20.000.000	3.013.135.329		
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:			44053,5	472,8	472,8	43580,7	29.970	90,4	253	5625,8	7641,5	-	18.458.161.004	7.035.366.687	2.435.243.000	11.850.000	12.782.652.200	336.000.000	41.059.282.891	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																			1.437.074.901	
Trong đó:																			41.059.282.891	
- Trung Tâm Phát Triển quỹ đất Thành Phố Đồng Nai, Chi nhánh Cẩm Mỹ (2.975%)																			1.221.513.666	
- UBND Xã Xuân Dương (0,525%)																			215.561.235	
Tổng cộng (1+2):																			42.496.357.792	

Bảng chi: Bên ngoài hai ý; bên trong chín mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn, bảy trăm chín mươi hai đồng



